

Bản án số: 17/2025/KDTM-ST
Ngày 22-5-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cửu Thị Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng
2. Ông Đoàn Văn Rỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2024/TLST-KDTM ngày 29 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2025/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Q; Trụ sở: Tầng M (tầng T) và Tầng H, Toà nhà S, số 111A đường P, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Hoàng M, sinh năm: 1995; Ông Nông Văn T, sinh năm: 1994; Ông Nguyễn Huy C, sinh năm: 1999; Bà Hồ Thị N, sinh năm: 1990; Cùng địa chỉ liên lạc: 176 đường N, phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Q; Theo Giấy ủy quyền số 135795.25 ngày 21/5/2025.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH N; Trụ sở: 2B/13A đường C, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH N: Ông Phan Văn H, sinh năm: 1983; Địa chỉ: 345 khu phố T, thị trấn D (số cũ: 345 ấp T, xã X), huyện T, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 28 tháng 3 năm 2022 và ngày 28 tháng 12 năm 2023 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q có ông Nông Văn T, bà Hồ Thị N làm đại diện cùng trình bày:

Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh G – Phòng giao dịch H ký với Công ty TNHH N Hợp đồng tín dụng số 0121 ngày 16/3/2017. Với nội dung: Số tiền giải ngân: 590.000.000 đồng; Mục đích giải ngân: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet; Thời hạn vay: 84 tháng, từ ngày 16/3/2017 đến 16/3/2024; Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 8,6%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày khoản vay được giải ngân. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh và sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,99%, phù hợp với các quy định của pháp luật, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chính sách của Ngân hàng tại từng thời kỳ. Hoàn trả khoản vay gốc: vào ngày 10 hàng tháng. Mỗi tháng trả 7.000.000 đồng, tháng cuối trả 9.000.000 đồng. Hoàn trả lãi: Vào ngày 10 hàng tháng. Kỳ trả nợ đầu tiên: 10/4/2017; Trả phí: theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Ngân hàng TMCP Q đã giải ngân cho Công ty TNHH N theo Đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 0121 ngày 16/3/2017 với số tiền 590.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Ngân hàng xác nhận Công ty TNHH N đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền gốc là 473.553.634 đồng và lãi là 88.380.749 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TNHH N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Khoản vay quá hạn thanh toán từ ngày 10/12/2018. Nên Công ty TNHH N đã tự nguyện bàn giao tài sản cho Ngân hàng TMCP Q để xử lý tài sản, thanh toán một phần dư nợ cho Ngân hàng TMCP Q. Ngân hàng TMCP Q đã hoàn tất xử lý tài sản bảo đảm của Công ty TNHH N tại Ngân hàng TMCP Q là 01 xe ô tô nhãn hiệu: CHEVROLET, số loại: COLORADO, biển kiểm soát: 51D-105.43, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 254124 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/3/2017, theo đúng nội dung Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp đã ký kết và theo quy định của pháp luật. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm, sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình xử lý đã được hạch toán thu nợ như sau: (1)Giá bán tài sản: 350.000.000 đồng. (2)Tổng chi phí xử lý tài sản gồm: Chi phí định giá Công ty TNHH Thẩm định giá Q là 1.500.000 đồng; Chi phí gửi giữ tính từ ngày 19/3/2021 đến ngày 07/7/2021 là 4.400.000 đồng; Chi phí đấu giá (Thù lao đấu giá) là 2.250.600 đồng; Chi phí đăng báo đấu giá (3 lần) là 8.000.000 đồng; Chi phí cầu kéo là 440.000 đồng. Tổng cộng số tiền hoạch toán thu nợ là 333.403.400 đồng được trừ vào dư nợ gốc cho Công ty TNHH N vào ngày 20/7/2021. Tính từ ngày 21/7/2021 cho đến nay Công ty TNHH N không thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q khoản tiền vốn, lãi nào. Đến ngày 28/3/2022 Ngân hàng TMCP Q ra Thông báo số 026099.22 ngày 28/3/2022 về việc hoàn tất xử lý tài sản bảo đảm; Với nội

dung: thu hồi nợ gốc là 333.403.400 đồng, số tiền nợ gốc còn lại là 116.446.366 đồng và lãi, yêu cầu Công ty TNHH N trả toàn bộ dư nợ còn lại.

Nay Ngân hàng TMCP Q yêu cầu Công ty TNHH N phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán ngay một lần toàn bộ nợ gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 22/5/2025 cụ thể như sau: Nợ gốc là 116.446.366 đồng; Nợ lãi trong hạn là 3.765.953 đồng; Nợ lãi quá hạn là 322.218.763 đồng; Lãi chậm trả là 32.221.876 đồng. Tổng cộng: 474.652.958 đồng. Yêu cầu Công ty TNHH N tiếp tục trả lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 23/5/2025 cho đến khi Công ty TNHH N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Bị đơn Công ty TNHH N đã được Tòa án tiến hành thông báo thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đương sự đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng đương sự không đến, do đó không có lời khai của đương sự tại Tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; Bị đơn chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q thì đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, các đương sự có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận; Nên xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại. Do bị đơn có trụ sở tại Quận 8 nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 30, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét Công ty TNHH N là bị đơn và ông Phan Văn H là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Q gồm: Ông Trần Hoàng M, ông Nguyễn Huy C vắng mặt không có lý do. Nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét Hợp đồng tín dụng số 0121 ngày 16/3/2017; Phụ lục 1: Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 0121 ngày 16/3/2017 ký giữa Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh G – Phòng giao dịch H ký với Công ty TNHH N. Nội dung thỏa thuận chính: Ngân hàng TMCP Q cho Công ty TNHH N vay số tiền 590.000.000 đồng; Mục đích giải ngân: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet; Thời hạn vay: 84 tháng, từ ngày 16/3/2017 đến 16/3/2024; Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 8,6%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TNHH N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Khoản vay quá hạn thanh toán từ ngày 10/12/2018. Nên Công ty TNHH N đã tự nguyện bàn giao tài sản cho Ngân hàng TMCP Q để xử lý tài sản, thanh toán một phần dư nợ gốc cho Công ty TNHH N với số tiền là 333.403.400 đồng vào ngày

20/7/2021. Ngày 28/3/2022 Ngân hàng TMCP Q đã thông báo hoàn tất xử lý tài sản bảo đảm thu hồi nợ gốc là 333.403.400 đồng, số tiền nợ gốc còn lại là 116.446.366 đồng và lãi, yêu cầu Công ty TNHH N trả toàn bộ dư nợ còn lại; Theo Thông báo số 026099.22 ngày 28/3/2022 của Ngân hàng TMCP Q, về việc hoàn tất xử lý tài sản bảo đảm. Các tình tiết trên đây đã được thông báo đến bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi nên căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định các tình tiết trên là sự thật.

[4] Xét trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 0121 ngày 16/3/2017; Phụ lục 1: Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0121 ngày 16/3/2017. Tính từ ngày 21/7/2021 cho đến nay Công ty TNHH N không trả nợ gốc còn lại là 116.446.366 đồng và lãi cho Ngân hàng TMCP Q; Là vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà hai bên đã thỏa thuận ký kết, Điều 466 của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng. Do đó Ngân hàng TMCP Q khởi kiện buộc Công ty TNHH N thanh toán số tiền là 474.652.958 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 116.446.366 đồng; Nợ lãi trong hạn: 3.765.953 đồng; Nợ lãi quá hạn: 322.218.763 đồng; Lãi chậm trả: 32.221.876 đồng và tiếp tục trả lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 23/5/2025 cho đến khi Công ty TNHH N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký. Xét yêu cầu trên của Ngân hàng TMCP Q; Là có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH N phải chịu án phí trên tổng số tiền thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q.

Ngân hàng TMCP Q không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/9/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự; Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền là 474.652.958 đồng (Bốn trăm bảy mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn chín trăm năm mươi tám) đồng. Trong đó: Nợ gốc là 116.446.366 (Một trăm mười sáu triệu bốn trăm bốn mươi sáu ngàn ba trăm sáu mươi sáu) đồng; Nợ lãi trong hạn là 3.765.953 (Ba triệu bảy trăm sáu mươi lăm ngàn chín trăm năm mươi ba) đồng; Nợ lãi quá hạn là: 322.218.763 (Ba trăm hai mươi hai triệu hai trăm mười tám ngàn bảy trăm sáu mươi ba) đồng; Nợ lãi chậm trả: 32.221.876 (Ba mươi hai triệu hai trăm hai mươi một ngàn tám trăm bảy mươi sáu) đồng; Theo Hợp đồng cho vay số 0121 ngày 16/3/2017 và Phụ lục 1: Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 0121 ngày 16/3/2017.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 22/5/2025 Công ty TNHH N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Q thì lãi suất mà Công ty TNHH N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất của Ngân hàng TMCP Q.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH N phải chịu là 22.986.118 (Hai mươi hai triệu chín trăm tám mươi sáu ngàn một trăm mười tám) đồng.

Ngân hàng TMCP Q không phải chịu án kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Q tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.222.040 (Mười ba triệu hai trăm hai mươi hai ngàn không trăm bốn mươi) đồng theo biên lai thu số 0036767 ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cửu Thị Mẫn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN HỘI THẨM NHÂN DÂN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

